

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 21/9/2022

V/v: *Kiến đòi tài sản và  
tranh chấp hợp đồng thuê  
quyền sử dụng đất.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Trần Anh Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Chu Minh Đức và ông Trần Văn Quyết.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Quyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2022/TLST - DS ngày 08/6/2022 về việc “*Kiến đòi tài sản và tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST – DS ngày 05/9/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Hà Đình V, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

*\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V:* Ông Phan Ngọc Q và ông Nguyễn Huy V1 - Luật sư của Văn phòng luật sư P thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số nhà x ngách xx/xx phố H, phường V, quận L, thành phố Hà Nội.

**2. Bị đơn:** Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

+ Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Phạm Trọng T, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Chức vụ: Chủ tịch UBND xã A.

**3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Trần Tất S, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

+ Ông Trần Ngọc C, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

**4. Người làm chứng:** Ông Lê Trọng Th, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

(Có mặt ông V, ông T, ông S, ông Th; vắng mặt ông C).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**I. Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Hà Đình V trình bày:**

\* Về yêu cầu khởi kiện đòi Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã A trả 100.000.000 đồng; ông V trình bày như sau: Ông và ông Trần Tất S – nguyên Chủ tịch UBND xã A vừa là bạn học cấp 3 vừa có họ nên hai người quen biết nhau. Khoảng tháng 4/2015 ông có biết UBND xã A sẽ tổ chức đấu thầu để cho nhân dân thuê sử dụng đất nuôi trồng thủy sản tại cánh đồng X ở thôn x (nay là thôn A), xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Ông đã đến gặp ông S đưa cho ông S 100.000.000 đồng nhờ ông S nộp tiền đặt cọc tham gia đấu thầu đất. Ông S đồng ý và nhận của ông 100.000.000 đồng; việc nhờ nộp tiền đặt cọc, giao nhận tiền giữa ông và ông S không ai biết và cũng không lập thành văn bản. Khi ông đưa tiền cho ông S thì ông không biết việc tiền nộp cọc để tham gia đấu thầu đất là 10.000.000 đồng nên ông cứ đưa cho ông S 100.000.000 đồng; còn thừa thiếu thế nào thì tính sau.

Năm 2012 ông tham gia đấu thầu quyền sử dụng đất cư và đã trúng thầu 02 lô đất; trong đó có lô số 7 thửa 137 diện tích 195m<sup>2</sup> tại thôn x (nay là thôn A), xã A với giá tiền 250.000.000 đồng. Do ông không có đủ tiền nộp tiền trúng đấu giá đất (còn thiếu 100.000.000 đồng) nên khoảng tháng 6-7 năm 2015 ông đã nhiều lần gặp ông S để đòi lại số tiền 100.000.000 đồng đã đưa cho ông S vào khoảng tháng 4/2015 nhờ đặt cọc hộ để tham gia đấu thầu đất. Ông S nói với ông là không có tiền trả lại và xác nhận vào đơn đề nghị ngày 01/7/2015 của ông với nội dung “UBND xã A xác nhận. Ông Hà Đình V có đấu thầu thửa đất lô số 7 thửa 137 diện tích 195m<sup>2</sup> giá tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Đã nộp theo tài chính xã xác nhận 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) Còn 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) chưa nộp lý do để lại để xử lý các tồn đọng cũ theo văn bản làm việc số ... ngày 25 tháng 12 năm ... của UBND xã đề nghị được ghi vào GCNQSD Đất phần nợ trên. Phần nợ trên UBND xã có trách nhiệm giải quyết. Ngày 06/7/2015. TM.UBND xã” và ông Trần Tất S ký tên đóng dấu. Sau khi ông S xác nhận vào đơn thì ông nghĩ ông S và UBND xã A sẽ có trách nhiệm trả ông 100.000.000 đồng mà ông S đã nhận vào tháng 4/2015 bằng cách nộp 100.000.000 đồng vào ngân sách nhà nước để ông được quyền sử dụng thửa đất lô số 7 thửa 137 diện tích 195m<sup>2</sup> ở thôn x (nay là thôn A), xã A. Tuy nhiên sau đó ông S và UBND xã A đã không nộp 100.000.000 đồng này vào ngân sách dẫn đến việc ông không được công nhận quyền sử dụng thửa đất lô số 7 thửa 137 diện tích 195m<sup>2</sup> ở thôn x (nay là thôn A), xã A. Ông nhiều lần gặp ông S để đòi lại tiền nhưng ông S và UBND xã A không trả. Ông xác định khi ông đưa 100.000.000 đồng cho ông S vào khoảng tháng 4/2015 thì là việc cá nhân giữa ông và ông Sáu; tuy nhiên do ngày 06/7/2015 khi ông S đang giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã A đã ghi xác nhận UBND xã A có trách nhiệm giải quyết số tiền 100.000.000 đồng này thì UBND xã A phải là cơ quan trả lại ông

100.000.000 đồng. Nay ông xác định ông vẫn giữ nguyên quan điểm là khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND xã A phải trả ông 100.000.000 đồng như ông S xác nhận ngày 06/7/2015 vào trong Đơn đề nghị đề ngày 01/7/2015 của ông; ngoài ra UBND xã A phải trả ông tiền lãi của số tiền này với mức lãi suất 0,46%/tháng kể từ tháng 07/2015 cho đến khi UBND xã A thanh toán cho ông số tiền này.

\* Về yêu cầu khởi kiện đòi UBND xã A bồi thường 530.000.000 đồng; ông V trình bày như sau: Ngày 15/01/2016 ông có tham gia đấu thầu dự án nuôi trồng thủy sản tại thôn x (nay là thôn A), xã A do UBND xã A tổ chức và ông là người đã trúng thầu. Sau khi trúng thầu ông nhiều lần đề nghị UBND xã A tiến hành đo đạc để xác định diện tích, vị trí, mốc giới đất ông trúng thầu và làm thủ tục giao đất cho ông. Tuy nhiên UBND xã A yêu cầu ông phải nộp tiền thầu đất theo Quy chế về việc đấu thầu đất công ích của UBND xã A mà ông S đã đưa cho ông. Ông không nhất trí vì chỉ khi nào UBND xã A tiến hành đo đạc để xác định diện tích, vị trí, mốc giới đất ông trúng thầu và làm thủ tục giao đất cho ông thì ông mới nộp tiền và ký Hợp đồng thuê đất. Sau đó UBND xã A đã có giấy báo thời gian đo đất cho ông rất nhiều lần nhưng không làm được với lý do là khi đến thời gian đo thì UBND xã A không cử người xuống đo; khi thì chỉ cử một mình ông Th – Cán bộ địa chính xã xuống nhưng gặp sự phản đối của ông Trần Ngọc C và mẹ ông Cờ là bà Lê Thị T nên ông Th không tiến hành đo. Mặc dù UBND xã A chưa tiến hành đo đạc để xác định diện tích, vị trí, mốc giới đất ông trúng thầu và chưa làm thủ tục giao đất cho ông; đồng thời ông chưa ký hợp đồng đấu thầu đất và nộp tiền 30% sản lượng theo quy định của Quy chế về việc đấu thầu đất công ích của UBND xã A nhưng vì ông đã nộp 10.000.000 đồng và UBND xã A không trả lại ông; đồng thời ông xác định việc UBND xã A không đo đất giao đất trúng thầu cho ông là lỗi của xã nên ông vẫn tiến hành sử dụng, cải tạo đất để trồng cây, nuôi cá. Trong quá trình ông sử dụng đất thì đến ngày 16/3/2019 khi ông Trần Ngọc C ở thôn A bắt đầu phá cây trồng, ao cá của ông thì ông có ra phản đối tuy nhiên ông C có giờ ra cho ông nhìn một văn bản có chữ ký của ông S và nói UBND xã A đã giao đất cho ông C. Thấy vậy thì ông chịu để cho ông C phá cây trồng, ao cá và không yêu cầu ông C đưa văn bản đó cho ông xem có đúng là tài liệu mà UBND xã A giao đất không vì ông và ông C mâu thuẫn với nhau và ông C luôn đe dọa đánh ông. Sau đó ông có đến UBND xã A gặp chị H lúc đó là Chánh văn phòng UBND xã A báo cáo và nộp đơn. Do hôm đó là thứ 7 nên chị H nói không có lãnh đạo giải quyết. Ông đã đề nghị chị H cho ông chụp ảnh việc nộp đơn. Sau đó UBND xã A có mời ông đúng 08 giờ ngày 18/3/2019 đến nhận lại tiền đặt cọc đấu thầu đất dự án nuôi trồng thủy sản ở thôn x. Ông có đến họp và không đồng ý nhận lại tiền cọc vì ông C đã phá đất của ông; sự việc không được giải quyết nên ông đi về. Mặc dù năm 2017 (không nhớ chính xác ngày tháng) ông có nhận được Thông báo hủy kết quả đấu thầu của UBND xã A gửi nhưng sau đó UBND xã A lại mời ông lên ký hợp đồng đấu thầu đất nhưng do UBND xã A vẫn không đo đất xác định diện tích mốc giới nên ông không ký. Nay ông xác định ông đã trúng thầu và được cho thuê để sử dụng đất tại dự án nuôi trồng thủy sản ở thôn x (nay là thôn A), xã A do UBND xã A đã nhận của ông 10.000.000 đồng tiền đặt cọc đấu thầu đất và không trả lại. Nhưng do sau đó UBND xã A lại giao cho ông

Trần Ngọc C được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ông trúng thầu dẫn đến việc ông C phá hoại cây cối, hoa màu, ao cá của ông trên diện tích đất đã trúng thầu gây thiệt hại 530.000.000 đồng vì vậy ông yêu cầu Tòa án buộc UBND xã A phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại 530.000.000 đồng cho ông. Ông xác định ông không cung cấp được cho Tòa án tài liệu chứng cứ chứng minh việc UBND xã A giao cho ông Trần Ngọc C được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ông trúng thầu tại dự án nuôi trồng thủy sản ở thôn x mà ông trúng thầu ngày 15/01/2016.

**II. Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo pháp luật của bị đơn – ông Phạm Trọng T trình bày:**

\* Đối với yêu cầu của ông Hà Đình V kiện đề nghị Tòa án buộc UBND xã A trả 100.000.000 đồng và lãi do UBND xã A nợ tiền đấu thầu đất; quan điểm của UBND xã A không đồng ý vì:

Thứ nhất: UBND xã A không nợ tiền đấu thầu đất của ông V; bản thân ông V khi tham gia đấu thầu đất cư do không nộp đủ 100.000.000 đồng nên đã không được công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đã trúng thầu. Sự việc này đã xảy ra tranh chấp và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Thứ hai: Nếu có sự việc ông V có đưa 100.000.000 đồng cho ông Trần Tất S – nguyên Chủ tịch UBND xã A thì đó là việc cá nhân giữa ông V và ông S không liên quan đến UBND xã A. Việc ông S khi đang giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã A ký xác nhận vào Đơn đề nghị ngày 01/7/2015 của ông V không phải là căn cứ xác nhận UBND xã A nợ tiền ông Việt do đó UBND xã A không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông V.

\* Đối với yêu cầu của ông Hà Đình V kiện đề nghị Tòa án buộc UBND xã A phải bồi thường cho ông V 530.000.000 đồng do đã giao đất thầu cho V mà lại tiếp tục giao cho ông C để ông C phá hoại tài sản của ông V; quan điểm của UBND xã A không đồng ý vì:

Thứ nhất: Mặc dù ngày 15/01/2016 ông Hà Đình V là người trúng thầu sử dụng đất tại cánh đồng X tại thôn A nay là thôn A nhưng ông V không nộp tiền sản lượng theo theo Quy chế đấu thầu đất công ích do vậy đến nay UBND xã A không ký bất kỳ hợp đồng thầu đất nào với ông V.

Thứ hai: Căn cứ các tài liệu còn lưu ở UBND xã A thì không có tài liệu nào thể hiện UBND xã A có ký hợp đồng thầu sử dụng đất tại cánh đồng X tại thôn x nay là thôn A với ông Trần Ngọc C.

Thứ ba: Việc ông V, ông C sử dụng đất tại cánh đồng X tại thôn x nay là thôn A là hoàn toàn tự ý của hai ông và không được phép của UBND xã A; nếu có việc gây thiệt hại về tài sản giữa ông V và ông C thì đó là việc cá nhân của hai ông không liên quan đến UBND xã A.

Từ trước đến nay chưa bao giờ UBND xã A giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất tại cánh đồng X tại thôn x nay là thôn A giữa ông Hà Đình V với ông Trần Ngọc C.

Thứ tư: Mặc dù UBND xã A không ký hợp đồng thuê sử dụng đất tại cánh đồng X tại thôn x nay là thôn A với ông Hà Đình V do lỗi của ông V. Tuy nhiên do Quy chế đấu thầu đất công ích không quy định xử lý tiền cọc khi không ký được hợp đồng, vì vậy để không làm thiệt hại đến quyền lợi của ông V thì UBND xã A sẽ trả ông V 10.000.000 đồng tiền cọc mà ông V đã nộp khi tham gia đấu thầu đất.

**III. Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Trần Tất S trình bày:** Năm 2005 ông Hà Đình V có đơn kiện UBND huyện B và UBND xã A về việc mẹ ông V không được cấp đất cư đủ 180m<sup>2</sup> (mẹ ông V chỉ được cấp một thửa đất cư diện tích 120m<sup>2</sup>). Do ông V đơn thư kéo dài vượt cấp nên UBND xã A thống nhất giải quyết là sẽ hỗ trợ 40% giá trị thửa đất khi ông V đấu thầu đất cư để ông V không khiếu kiện kéo dài vượt cấp; lý do tại thời điểm đó tiền đấu thầu đất UBND xã sẽ được hưởng 40%, còn 60% nộp về ngân sách huyện. Ngày 12/10/2009 khi đó ông đang giữ chức vụ Phó chủ tịch UBND xã A đã tiếp ông V để giải quyết đơn đề nghị của ông V thì đã lập Biên bản giải quyết theo đơn đề nghị với nội dung như trên (bản sao Biên bản đã được UBND xã A đã giao cho Tòa). Năm 2012 ông V đấu giá trúng 02 lô đất ở thôn x nay là thôn A, trong đó có 01 lô đất trúng đấu giá 250.000.000 đồng. Ông V căn cứ vào Biên bản giải quyết theo đơn đề nghị ngày 12/10/2009 nên tính ra tiền mà UBND xã hỗ trợ là 250.000.000 đồng x 40% = 100.000.000 đồng; sau đó ông chỉ nộp 150.000.000 đồng cho lô đất trúng thầu và cho rằng UBND xã A phải nộp cho ông V 100.000.000 đồng để đủ tiền đấu giá đất. Sau đó UBND xã A đã xin ý kiến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hỗ trợ tiền 40% xã hưởng để hỗ trợ cho ông V nhưng các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trả lời không đồng ý vì không đúng quy định của luật ngân sách do vậy UBND xã A không hỗ trợ ông V 100.000.000 đồng; đồng thời UBND huyện B không tiến hành giao đất cho ông V với lý do ông V không nộp đủ tiền trúng đấu giá đất. Do không được giao đất nên ông V có đơn đề nghị UBND xã A phải nộp cho ông 100.000.000 đồng để ông được giao đất. Ngày 06/7/2015 khi ông đang giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã A đã tiếp ông Hà Đình V về nội dung ông Hà Đình V yêu cầu UBND xã A nộp cho ông V 100.000.000 đồng để được giao đất. Do ông V đơn thư vượt cấp kéo dài và do tại thời điểm đó UBND xã A đang phấn đấu xây dựng nông thôn mới; để ông V không khiếu kiện kéo dài vượt cấp nhằm ổn định tình hình trật tự chính trị tại địa phương cũng như do nỗ lực nên ông đã xác nhận vào Đơn đề nghị ngày 01/7/2015 của ông V với nội dung UBND xã A ghi nợ 100.000.000 đồng tiền trúng đấu giá đất vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phần ghi nợ này UBND xã có trách nhiệm giải quyết. Sau đó UBND xã A tiếp tục đề nghị UBND huyện B cho phép UBND xã A trích tiền để lại khi đấu đất (tiền 40%) để hỗ trợ cho ông V nhưng UBND huyện B không đồng ý vì việc này trái quy định của pháp luật cho nên UBND xã A cũng nhiều lần trả lời ông V về việc UBND xã A sẽ không hỗ trợ ông V 100.000.000 đồng tiền trúng đấu giá đất. Sau đó ông V đã kiện UBND huyện B và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết bằng một bản án.

Nay ông V kiện yêu cầu UBND xã A phải trả ông 100.000.000 đồng như ông đã xác nhận vào Đơn đề nghị ngày 01/7/2015 của ông V; quan điểm của ông như sau: Việc ông xác nhận như vậy chỉ là để UBND xã sẽ đề nghị cơ quan nhà nước

cho phép hỗ trợ ông V chứ không phải là nhận nợ với ông V. Nay các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã xác định không được phép hỗ trợ nên UBND xã không hỗ trợ là đúng; bản thân ông không thể lấy tiền cá nhân đưa cho ông V được. Do vậy ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu này của ông V.

Tại phiên hòa giải ông V có trình bày là ông V có đưa cho ông 100.000.000 đồng tại nhà ông với lý do nộp tiền đấu thầu đất công ích. Ông xác định ông V trình bày không đúng sự thật và đề nghị Tòa án yêu cầu ông V chứng minh; nếu ông V không chứng minh được thì đề nghị Tòa án xử lý ông V về hành vi vu khống, làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của ông.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông V về yêu cầu UBND xã A bồi thường cho ông V 530.000.000 đồng do vi phạm hợp đồng cho thuê đất; ông có quan điểm như sau: Tại thời điểm năm 2015 UBND xã A có chủ trương cho nhân dân đấu thầu diện tích đất nuôi trồng thủy sản tại thôn x. UBND xã A đã thông báo để nhân dân làm đơn đấu thầu đất thì có Hà Đình V, bà Hà Thị K và ông Lê Trọng P làm đơn xin đấu thầu. Ngày 15/01/2016 UBND xã mở thầu thì chỉ có ông Hà Đình V tham gia và đã được Tổ đấu thầu của xã xác nhận trúng thầu. Sau đó UBND xã A nhiều lần mời ông V đến UBND xã A để ký hợp đồng đấu thầu đất và nộp tiền 30% sản lượng theo quy định của Quy chế về việc đấu thầu đất công ích mà UBND xã A đã ban hành tuy nhiên ông V không chấp hành nên giữa UBND xã A và ông Hà Đình V không ký được hợp đồng đấu thầu đất. Do ông V không nộp tiền và không đến UBND xã ký hợp đồng nên ngày 28/6/2017 UBND xã A đã ban hành Thông báo số 14/TB-UBND về việc chấm dứt việc giao thầu đất công ích đối với ông Hà Đình V. Sau đó do ông V nhiều lần đề nghị giải quyết; UBND xã A cũng tạo điều kiện để ông V hoàn thành thủ tục để tiến hành ký hợp đồng đấu thầu đất và giao đất nhưng ông V không thực hiện nên đến khi ông thôi giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã A (tháng 9/2019) thì UBND xã A vẫn chưa ký hợp đồng đấu thầu đất công ích với ông V và cũng chưa giao đất ông V trúng thầu cho ông V.

Đối với ông Trần Ngọc C thì trong thời gian ông giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã A thì UBND xã A chưa bao giờ ký hợp đồng đấu thầu đất và giao đất công ích mà ông V trúng thầu cho ông Trần Ngọc C. Do vậy việc ông V kiện UBND xã A phải bồi thường 530.000.000 đồng với lý do đã giao đất thầu cho ông V mà lại tiếp tục giao cho ông C là không chính xác. Còn sau khi ông nghỉ hưu, UBND xã A có ký hợp đồng đấu thầu đất và giao đất công ích cho ông V, ông C không thì ông không biết.

**III. Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Trần Ngọc C trình bày:** Khoảng năm 2016-2017 ông thấy khu đất Thành Vinh thuộc cánh đồng X ở thôn x (nay là thôn A) bỏ hoang nên ông có ý định cải tạo để tăng gia sản xuất. Ông làm đơn đề nghị gửi UBND xã A xin phép cho ông được cải tạo đất để tăng gia. Sau khi ông gửi đơn khoảng một tuần nhưng không thấy UBND xã A trả lời nên ông đã tự ý cải tạo khu đất để tăng gia. Trước khi ông cải tạo bằng cách phát quang cây cối thì ông có nói với vợ chồng ông V thu dọn cây cối vì ông biết chỗ đất ông định cải tạo thì vợ chồng ông V có trồng một số loại cây

hoa màu. Sau khi ông nói như vậy thì ông V không nói gì, còn vợ ông V tự động dọn, thu những cây đã trồng để ông tiến hành cải tạo đất. Ngoài vợ chồng ông V thì còn có rất nhiều người là ông Hoàng Đình C1, ông Trần Trọng H ... cũng tiến hành trồng trọt ở đó và cũng dọn khi ông tiến hành phát quang cải tạo đất. Sau khi ông làm thì ông V có nói với ông không được làm nhưng ông có nói với ông V là ông đã được dồn đổi ruộng về đó làm thì ông V không nói gì.

Nay ông V kiện UBND xã A về việc UBND xã đã giao đất cho ông V mà lại tiếp tục giao đất cho ông, quan điểm của ông là không nhất trí vì: Thứ nhất ông V chưa bao giờ được UBND xã A giao đất tại khu vực ông cải tạo tăng gia. Thứ hai UBND xã A cũng chưa bao giờ giao đất tại khu vực ông V đang sử dụng để ông để đầu thầu sử dụng; việc ông cải tạo đất để tăng gia là tự ý ông. Thứ ba ông V xác định ông phá hoại cây cối như trong đơn là không chính xác vì khi đó ông V chỉ trồng vài ba cây chuối, mấy luống tỏi.

**\* Tại phiên tòa,** người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V không bổ sung gì thêm vào quan điểm của ông V và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V vì: Đối với yêu cầu khởi kiện đòi 100 triệu đồng là có đủ căn cứ để xác định ông V đưa tiền cho ông S, tuy lúc đưa không có chứng cứ nhưng sau này ông V đã khắc phục bằng cách viết đơn đề nghị và được ông S khi đang giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã A xác nhận chứ ông V không tự bịa chuyện đưa tiền cho ông S. Đối với yêu cầu khởi kiện yêu cầu bồi thường 530 triệu đồng thì ông V là người được trúng thầu và tại văn bản ngày 10/4/2017 UBND xã A đã đồng ý để ông V thực hiện việc cải tạo đất tại diện tích trúng thầu; đồng thời có đủ căn cứ để xác định ông C sử dụng diện tích đất ông V trúng thầu được sự đồng ý của UBND xã A đã làm thiệt hại về tài sản cho ông V 530 triệu đồng.

**\* Tại phiên tòa,** ông V không bổ sung gì thêm vào quan điểm của các luật sư. Ông T, ông S vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông V vì không có căn cứ. Ông Th giữ nguyên nội dung đã trình bày với Tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử.

#### **IV. Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:**

1. Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại tòa và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án dân sự, nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; đại diện hợp pháp của bị đơn; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Các khoản 3, 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các khoản 1 và 4 Điều 91, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 288 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 275, Điều 584 Bộ luật Dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Đình V.
- Ghi nhận sự tự nguyện của UBND xã A về việc trả ông Hà Đình V 10.000.000 đồng tiền nộp cọc tham gia đấu thầu đất ngày 15/01/2016.
- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hà Đình V.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**I. Về tố tụng:** Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù ông Hà Đình V kiện UBND xã A, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam nhưng do yêu cầu khởi kiện là “*Kiến đòi tài sản và tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất*” do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là vụ án dân sự là đúng thẩm quyền.

Do ông Trần Ngọc C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **II. Về nội dung vụ án:**

[1] Đối với nội dung khởi kiện của ông Hà Đình V về việc yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B buộc UBND xã A trả ông V 100.000.000 đồng và lãi của số tiền này với mức 0,46%/tháng kể từ tháng 07/2015 cho đến khi UBND xã A thanh toán cho ông số tiền này; Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ vì:

Đánh giá về nội dung ông Trần Tất S xác nhận trong đơn đề nghị đề ngày 01/7/2015 của ông Hà Đình V thấy rằng: Mặc dù ông Hà Đình V, ông Trần Tất S đã thống nhất chính xác nội dung ông S xác nhận vào đơn đề nghị đề ngày 01/7/2015 của ông V là: “*UBND xã An Ninh xác nhận. Ông Hà Đình Việt có đấu thầu thửa đất lô số 7 thửa 137 diện tích 195m<sup>2</sup> giá tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Đã nộp theo tài chính xã xác nhận 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) Còn 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) chưa nộp lý do để lại để xử lý các tồn đọng cũ theo văn bản làm việc số ... ngày 25 tháng 12 năm ... của UBND xã đề nghị được ghi vào GCNQSD Đất phân nợ trên. Phân nợ trên UBND xã có trách nhiệm giải quyết. Ngày 06/7/2015. TM.UBND xã (ông Trần Tất S ký, đóng dấu Chủ tịch UBND xã A)*” nhưng hai ông trình bày lý do ông S xác nhận nội dung trên vào đơn đề nghị của ông V là khác nhau. Tuy nhiên do ông V lấy đây là căn cứ để khởi kiện yêu cầu UBND xã A trả tiền nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào nội dung và lý do ông S xác nhận theo sự trình bày của ông V để đánh giá chứng cứ.

Qua xem xét, Hội đồng xét xử thấy rằng nội dung ông S viết chỉ thể hiện việc ông V trúng thầu thửa đất lô số 7 thửa 137 diện tích 195m<sup>2</sup> với giá 250.000.000 đồng, ông V mới nộp được 150.000.000 đồng; 100.000.000 đồng còn lại ông V chưa nộp là để xử lý những tồn đọng cũ theo văn bản không số, không năm của UBND xã A, hướng giải quyết 100.000.000 đồng ông V chưa nộp là UBND xã A đề nghị ghi nợ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông V và UBND xã A có trách nhiệm giải quyết. Như vậy nội dung ông S ghi không có bất kỳ nội dung nào xác nhận



UBND xã A nợ ông V 100.000.000 đồng; đồng thời cũng không ghi rõ hậu quả pháp lý nếu UBND xã A không giải quyết được việc “*đề nghị được ghi vào GCNQSD Đất phần nợ trên*” do đó nội dung ông S ghi trong Đơn đề nghị đề ngày 01/7/2015 của ông V không phải là căn cứ làm phát sinh nghĩa vụ của UBND xã A phải trả ông V 100.000.000 đồng.

Đồng thời trong nội dung ông S viết có nội dung “*Còn 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) chưa nộp lý do để lại để xử lý các tồn đọng cũ theo văn bản làm việc số ... ngày 25 tháng 12 năm ... của UBND xã*”; tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông V không nêu ra được “*các tồn đọng cũ*” ở đây là tồn đọng gì, có tài liệu chứng cứ để chứng minh không; do vậy Hội đồng xét xử không có đủ chứng cứ để đánh giá “*các tồn đọng cũ*” có làm phát sinh nghĩa vụ trả 100.000.000 đồng của UBND xã A đối với ông V không.

Đối với việc ông V cho rằng do ông S đã xác nhận “... *Còn 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) chưa nộp lý do để lại để xử lý các tồn đọng cũ theo văn bản làm việc số ... ngày 25 tháng 12 năm ... của UBND xã đề nghị được ghi vào GCNQSD Đất phần nợ trên. Phần nợ trên UBND xã có trách nhiệm giải quyết...*” thì UBND xã A phải có trách nhiệm trả ông 100.000.000 đồng vì ông S xác nhận nội dung này khi đang giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã A; Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm này của ông V là không có căn cứ vì: Thứ nhất nếu ông V trình bày là vào khoảng tháng 4/2015 ông V đưa cho ông Trần Tất S khi đó đang giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã A 100.000.000 đồng tại nhà ông S để nhờ ông S nộp tiền tham gia đấu thầu đất công ích của xã A sau đó do ông S không trả lại ông V 100.000.000 đồng nên ghi xác nhận vào Đơn đề nghị ngày 01/7/2015 của ông V với nội dung như trên là đúng thì đây cũng chỉ là việc cá nhân giữa ông V và ông S đúng như ông V đã thừa nhận. Thứ hai, theo quy định của pháp luật thì Chủ tịch UBND xã A hay UBND xã A không phải là cá nhân, cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc ông V có được ghi nợ tiền trúng đấu giá vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không. Việc ông S tự mình không thông qua tập thể để xác nhận vào đơn đề ngày 01/7/2015 của ông V với nội dung như hai ông thống nhất ở trên là không đúng pháp luật. Do đó không thể lấy lý do ông S xác nhận nội dung trên khi đang giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã A để buộc UBND xã A phải có trách nhiệm thay cho ông S.

Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án mà ông Hà Đình V khởi kiện về việc “*Kiểm kiện hành vi hành chính*” đối với Ủy ban nhân dân huyện B thì tại Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2019/HC-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã quyết định:

“*Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116, khoản 2 Điều 173, điểm c, g khoản 2 Điều 193; 204; 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;*

*Căn cứ các Điều 356, 360, 363 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Đình Việt về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Bình Lục phải thực hiện nghĩa vụ giao lô số 7 theo Quyết định 1031/QĐ-UBND ngày 8/5/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Lục.*

*Ủy ban nhân dân huyện Bình Lục có trách nhiệm giao diện tích hiện trạng lô số 7 diện tích 195m<sup>2</sup> tại thôn 8 (cũ) xã An Ninh cho ông Hà Đình Việt và làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hà Đình Việt. Các hộ liên kê lô số 7 gồm các hộ Hà Đình Dương, Trần Văn Nội, Hà Thí Ánh (Mời), Hà Đình Tại (tức Thứ) có trách nhiệm tháo dỡ công trình, di chuyển cây cối, tài sản trả lại diện tích mặt bằng đã lấn chiếm tại lô số 7 tại thôn 8 (cũ), xã An Ninh, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.”*

Như vậy theo quyết định của bản án thì quyền lợi của ông Việt đối với “thửa đất lô số 7 thửa 137 diện tích 195m<sup>2</sup>” đã được giải quyết.

Cuối cùng; Hội đồng xét xử thấy rằng việc phát sinh nghĩa vụ của một cá nhân, tổ chức phải theo quy định của pháp luật dân sự. Căn cứ vào Điều 275 Bộ luật Dân sự thì không có căn cứ nào làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của UBND xã A đối với ông Hà Đình V.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Đình V về đề nghị buộc UBND xã A phải trả ông 100.000.000 đồng và lãi với lý do như ông V trình bày.

Đối với việc ông V trình bày ông S nhận 100.000.000 đồng; như đã phân tích ở trên nếu có thật thì đây là việc cá nhân giữa ông V và ông S; nếu sau này phát sinh tranh chấp thì ông V có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc UBND xã A bồi thường 530.000.000 đồng của ông Hà Đình V; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 12/12/2015 UBND xã A ban hành Thông báo số 31/TB-UBND về việc đấu thầu diện tích đất nuôi trồng thủy sản tại thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Ngày 18/12/2015 ông Hà Đình V làm đơn xin đấu thầu đất. Ngày 15/01/2016 ông V tham gia đấu thầu và đã trúng thầu. Tại Biên bản làm việc đấu thầu đất 5% tại dự án nuôi trồng thủy sản tại thôn x xã A huyện B tỉnh Hà Nam ngày 15/01/2016 của UBND xã A đã xác định “Căn cứ vào nội dung trên tổ đấu thầu lập biên bản xác nhận về việc hộ Hà Thị Khởi và hộ ông Lê Trọng Phúc không tham gia đấu thầu tại dự án nuôi trồng thủy sản thôn 7. Tổ đề nghị chủ tịch UBND xã căn cứ vào quy định của pháp luật và luật đấu thầu xem xét giao thầu cho ông Hà Đình Việt theo quy định”. Như vậy có đủ căn cứ để xác định ông V là người trúng thầu diện tích đất nuôi trồng thủy sản tại thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam và Biên bản làm việc đấu thầu đất 5% tại dự án nuôi trồng thủy sản tại thôn x xã A huyện B tỉnh Hà Nam của UBND xã A chỉ là văn bản xác nhận ông V đã trúng thầu mà không phải là văn bản công nhận ông V được quyền sử dụng diện tích đất trúng thầu vì muốn được công nhận quyền sử dụng diện tích đất trúng thầu thì các bên còn phải làm các thủ tục theo quy định của Quy chế về việc đấu thầu đất công ích của UBND xã A (sau

đây gọi tắt là Quy chế đấu thầu đất) ban hành kèm theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2015 của UBND xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, ông V thừa nhận trước khi ông tham gia đấu thầu đất công ích của xã A ngày 15/01/2016 thì ông V đã biết nội dung Quy chế đấu thầu đất.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại khoản 2 Điều 8 của Quy chế đấu thầu đất quy định: *“Người trúng thầu sau thời gian từ 5-10 ngày thì UBND xã tiến hành làm các thủ tục hồ sơ giao đất. Và người trúng thầu phải thanh toán trả tiền 30% sản lượng trước cho UBND xã, số tiền sản lượng còn lại tính vào hàng vụ/năm”*.

Tại khoản 1 Điều 10 chương IV Tổ chức thực hiện của Quy chế đấu thầu đất quy định: *“Điều 10: Trách nhiệm của hộ gia đình cá nhân, tổ chức thuê đất công ích*

*1. Ký hợp đồng với UBND xã, trên cơ sở kết quả đấu giá quyền sử dụng đất hoặc giao thầu đất cạnh tranh”*.

Như vậy theo Quy chế đấu thầu đất thì sau từ 5-10 ngày kể từ ngày 15/01/2016 UBND xã A phải tính được diện tích đất ông V trúng thầu và thông báo để ông V nộp trước tiền 30% sản lượng theo diện tích trúng thầu đã được tính; UBND xã A và ông V giao nhận đất ngoài thực địa và sau đó hai bên ký hợp đồng. Đây là quy trình để ông V được giao quyền sử dụng đất trúng thầu tại thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Hội đồng xét xử xét thấy sau ngày 15/01/2016 thì đến ngày 17/02/2016 UBND xã A đã tính ra được diện tích ông V trúng thầu là 10.800m<sup>2</sup> và để làm căn cứ tính tiền 30% sản lượng nộp trước. Sau đó UBND xã A nhiều lần mời ông V đến thông báo diện tích đất trúng thầu và tiền sản lượng nộp trước nhưng ông V đều không chấp hành. Tiếp đến ngày 11/5/2017 UBND xã A đã tính ra kích thước khu đất trúng thầu và yêu cầu ông V ký hợp đồng giao thầu đất nhưng ông V bỏ về không làm việc. Ngoài ra còn nhiều lần ông V không chấp hành giấy mời của UBND xã A do vậy ngày 28/6/2017 UBND xã A đã ban hành Thông báo số 14/TB-UBND về việc chấm dứt việc giao thầu đất công ích; ông V cũng thừa nhận là đã nhận được thông báo này. Như vậy việc ông V trúng thầu việc sử dụng đất nuôi trồng thủy sản tại thôn x ngày 15/01/2016 đã bị chấm dứt từ ngày 14/7/2017. Xét lý do ông V đưa ra không nộp tiền sản lượng, không ký hợp đồng về việc giao thầu đất cạnh tranh với lý do là UBND xã A không tiến hành đo xác định mốc giới và giao đất cho ông là không đúng với quy định của Quy chế đấu thầu đất do đó ông phải chịu hậu quả pháp lý về việc này đó là không công nhận kết quả trúng thầu và không được giao đất trúng thầu ngoài thực địa. Việc sau ngày 14/7/2017, UBND xã A vẫn tiếp tục mời ông V đến làm việc về việc tiếp tục ký hợp đồng để giao đất là không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên mặc dù đã được UBND xã A tạo điều kiện tiếp tục thực hiện việc trúng thầu diện tích đất nuôi trồng thủy sản nhưng ông V vẫn không nộp tiền sản lượng và ký hợp đồng theo diện tích đất và kích thước đã tính toán.

Ngày 18/7/2017 UBND xã A tiến hành khảo sát, đo kiểm tra thực địa đất đấu thầu và đã mời ông V nhưng ông V không có mặt để tham gia nên việc khảo sát đo kiểm tra thực hiện đất đấu thầu tại thôn x xã A không tiến hành được và vì vậy ngày 19/7/2017 UBND xã A ban hành văn bản không số về việc trả lời đơn thư của công dân gửi ông V trong đó nêu rõ “UBND xã căn cứ vào biên bản làm việc của đoàn ngày 18/7/2017 không giao đất cho hộ ông Hà Đình Việt trúng đấu giá của năm 2016 thanh lý bãi bỏ phiên trúng đấu giá đối ông Hà Đình Việt năm 2016 vì hộ ông không chấp hành quy định của địa phương.

.....

*UBND xã trả lời hộ ông Hà Đình Việt được rõ”*

Đồng thời xét thấy ông V cũng thừa nhận ông chưa ký hợp đồng thầu đất công ích theo kết quả trúng thầu ngày 15/01/2016; do vậy Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để xác định: Mặc dù ông V là người trúng thầu nhưng do không chấp hành các quy định của Quy chế đấu thầu đất không có lý do chính đáng nên UBND xã A đã hủy bỏ kết quả ông V trúng thầu và ông V đã nhận được văn bản hủy kết quả trúng thầu. Do đó UBND xã A không giao quyền sử dụng diện tích đất nuôi trồng thủy sản tại thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam cho ông V theo kết quả trúng thầu ngày 15/01/2016 là đúng. Từ đó có đủ căn cứ để xác định việc ông V sử dụng diện tích đất công ích tại cánh đồng X ở thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam là tự ý của ông V mà không được UBND xã A đồng ý.

Đối với việc ông V xác định ông Trần Ngọc C được UBND xã A giao đất trùng vào diện tích đất ông đã trúng thầu ngày 15/01/2016 từ đó dẫn đến việc ông C phá hoại tài sản của ông V trên đất trúng thầu gây thiệt hại 530.000.000 đồng đề từ đó kiện UBND xã A bồi thường; Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của ông V không có căn cứ chấp nhận vì:

Thứ nhất: Như trên đã phân tích, UBND xã A đã hủy kết quả đấu thầu ngày 15/01/2016 đối với ông V và không giao quyền sử dụng diện tích đất công ích nuôi trồng thủy sản tại thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam cho ông V.

Thứ hai: Ông V không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc ông Trần Ngọc C đã được UBND xã A giao đất trùng vào diện tích đất ông V trúng thầu ngày 15/01/2016. Điều này phù hợp với thực tế là UBND xã A chưa tiến hành đo, xác định ranh giới đất mà ông V trúng thầu ngày 15/01/2016 và tiến hành giao đất ngoài thực địa cho ông V. Do vậy cũng không có căn cứ để xác định ông C sử dụng diện tích đất trùng với diện tích đất ông V trúng thầu ngày 15/01/2016.

Thứ ba: Cả UBND xã A và ông C đều xác nhận chưa bao giờ UBND xã A giao cho ông C được quyền sử dụng diện tích đất công ích tại cánh đồng X ở thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Ông C xác định việc ông sử dụng diện tích đất công ích tại thôn x, xã A là tự ý của ông.

Như vậy có đủ căn cứ để xác định việc ông C sử dụng diện tích đất công ích tại cánh đồng X ở thôn x, xã A huyện B, tỉnh Hà Nam là tự ý của ông C mà không được

UBND xã A công nhận và cũng không có đủ căn cứ để xác định diện tích đất ông C sử dụng trùng với diện tích đất ông V trúng thầu ngày 15/01/2016.

Do đó nếu có sự việc ông C gây thiệt hại về tài sản như ông V trình bày thì đây là việc cá nhân giữa ông C và ông V, không liên quan đến UBND xã A. Nếu ông V, ông C xảy ra tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm thì có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Từ phân tích trên, căn cứ vào Điều 584 Bộ luật Dân sự; Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V đề nghị Tòa án buộc UBND xã A bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho ông V số tiền 530.000.000 đồng.

Tuy nhiên qua vụ án, Hội đồng xét xử thấy UBND xã A cần phải tăng cường công tác quản lý đất đai theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Mặc dù ông Hà Đình V không yêu cầu giải quyết đối với 10.000.000 đồng mà ông V đã nộp cọc cho UBND xã A khi tham gia đấu thầu đất công ích nuôi trồng thủy sản tại thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Tuy nhiên do số tiền này liên quan đến việc ông V kiện UBND xã A vì vậy để giải quyết triệt để vụ án; Hội đồng xét xử vẫn xem xét giải quyết số tiền này trong vụ án này.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù Ủy ban nhân dân xã A đã hủy kết quả đấu thầu ngày 15/01/2016 đối với ông V do ông V không thực hiện đúng quy định trong Quy chế đấu thầu đất. Tuy nhiên xét trong Quy chế đấu thầu đất không có điều khoản, nội dung quy định xử lý tiền nộp cọc khi các bên không ký được hợp đồng giao thầu. Xét quan điểm của UBND xã A trả lại ông V 10.000.000 đồng là tự nguyện, phù hợp với quy định của Quy chế đấu thầu đất, đảm bảo được lợi ích của ông V do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm này của UBND xã A.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông V trên 60 tuổi và đề nghị miễn nộp án phí nên Hội đồng xét xử miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông V.

Hội đồng xét xử xét việc Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam trả lại ông Hà Đình V 10.000.000 đồng là tự nguyện mặc dù ông V không yêu cầu giải quyết số tiền này; do vậy Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc trả lại ông V 10.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các khoản 3, 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các khoản 1 và 4 Điều 91, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 288 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 275, Điều 584 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Đình V đề nghị Tòa án buộc Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam phải trả ông V 100.000.000 đồng gốc và lãi với mức lãi suất 0,46%/tháng kể từ tháng 07/2015 cho đến khi Ủy ban nhân dân xã A thanh toán hết cho ông V số tiền này với lý do khi ông Trần Tất S đang giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A ký xác nhận vào Đơn đề nghị đề ngày 01/7/2015 của ông Hà Đình V.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Đình V đề nghị Tòa án buộc Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho ông V 530.000.000 đồng với lý do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam đã giao đất công ích tại thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam cho ông Trần Ngọc C sử dụng trùng với diện tích đất ông V trúng thầu ngày 15/01/2016.

3. Chấp nhận sự tự nguyện của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Buộc Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam có trách nhiệm hoàn trả ông Hà Đình V số tiền 10.000.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Hà Đình V.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Báo cho ông V, ông T, ông S biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho ông C biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự và người đại diện hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**Đặng Trần Anh Dũng**  
**(Đã ký)**